TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**
Số: 11/2018/QĐST- DS	*G, ngày 26 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải Th1nh ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST- DS ngày 18 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải Th1nh về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải Th1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1952.

Địa chỉ: P Mỹ 1, phường D, Th1nh phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Xóm N, xã M, huyện T, Bắc Ninh- Hợp đồng ủy quyền ngày 18/01/2018 tại Văn phòng Công chứng Thiên Đức.

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1938.
Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.
2. Ông Nguyễn Tiến L (đã chết).
Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1938.
Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.
2. Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1961.
Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.
3. Ông Nguyễn Tiến V1, sinh năm 1964.
Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.
4. Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1967.
Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.
5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

6. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: H, Gi, G, Bắc Ninh.

7. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

2. Ông Nguyễn Tiến V1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

3. Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

5. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: H, Gi, G, Bắc Ninh.

6. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh.

Bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Tiến B, bà Nguyễn Thị Th1 ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến V, sinh năm 1961. Địa chỉ: X, X, G, Bắc Ninh- Các văn bản ủy quyền đều cùng ngày 18/01/2018.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Tiến V, ông Nguyễn Tiến V1, ông Nguyễn Tiến B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, và bà Nguyễn Thị Th1 có trách nhiệm trả ông Nguyễn Tiến P 200m2 đất thuộc thửa đất số 385, tờ bản đồ số 05 tại thôn X, xã X huyện G, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận như sau:

+ Cạnh phía bắc giáp đường xóm dài 10,87m.

+ Cạnh phía nam giáp hộ ông Nguyễn Tiến V dài 10,58m.

+ Cạnh phía đông giáp phần còn lại của thửa đất số 385 tờ bản đồ số 05 tại thôn X, xã X, huyện G, tỉnh Bắc Ninh có chiều dài 20,11m.

+ Cạnh phía tây giáp hộ ông Nguyễn Tiến Hiển có chiều dài 17,69m.

- Ông Nguyễn Tiến P được quyền sở hữu: 01 nhà xây gạch cấp 4 khung tre, gỗ diện tích 69 m2; 01 sân lát gạch lá nem có diện tích 44 m2; 01 cổng láng vữa xi măng diện tích 12m2; 01 công trình phụ xây gạch tre gỗ lợp ngói diện tích 14m2 và 01 sân lát gạch chỉ diện tích 24m2 nằm trên phần diện tích 200m2 nêu trên. Ông Nguyễn Tiến P có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Tiến V, ông Nguyễn Tiến V1, ông Nguyễn Tiến B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, và bà Nguyễn Thị Th1 giá trị tài sản có trên phần diện tích đất 200m2 nêu trên là 12.100.000đ (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn).

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Tiến V, ông Nguyễn Tiến V1, ông Nguyễn Tiến B, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Th, và bà Nguyễn Thị Th1 phải chịu 1.651.250đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Nguyễn Tiến P phải chịu 1.651.250đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001208 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Ông P được hoàn lại 1.598.750đ tiền tạm ứng án phí DSST.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS;
- Chi cục T.H.A;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN
Đã ký
Nguyễn Văn Phong